

QUYẾT ĐỊNH

**Quy định một số nội dung có liên quan đến thủ tục đất đai
trên địa bàn tỉnh Kiên Giang**

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH KIÊN GIANG

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 18 tháng 6 năm 2020;

Căn cứ Luật Đất đai ngày 18 tháng 01 năm 2024;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Đất đai số 31/2024/QH15, Luật Nhà ở số 27/2023/QH15, Luật Kinh doanh bất động sản số 29/2023/QH15 và Luật các tổ chức tín dụng số 32/2024/QH15 ngày 29 tháng 6 năm 2024;

Căn cứ Nghị định số 101/2024/NĐ-CP ngày 29 tháng 7 năm 2024 của Chính phủ Quy định về điều tra cơ bản đất đai; đăng ký, cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất và Hệ thống thông tin đất đai;

Căn cứ Nghị định số 102/2024/NĐ-CP ngày 30 tháng 7 năm 2024 của Chính phủ Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số /TTr-STNMT ngày tháng năm 2024.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Quyết định này quy định một số nội dung có liên quan đến thủ tục đất đai trên địa bàn tỉnh Kiên Giang, cụ thể như sau:

1. Quy định cơ quan tiếp nhận, trả kết quả giải quyết thủ tục hành chính quy định điểm a khoản 1 Điều 21 Nghị định số 101/2024/NĐ-CP ngày 29 tháng 7 năm 2024 của Chính phủ Quy định về điều tra cơ bản đất đai; đăng ký, cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất và Hệ thống thông tin đất đai (sau đây gọi là Nghị định số 101/2024/NĐ-CP) và khoản 4 Điều 12 Nghị định số 102/2024/NĐ-CP ngày 30 tháng 7 năm 2024 của Chính phủ Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai (sau đây gọi là Nghị định số 102/2024/NĐ-CP).

2. Quy định thời gian thực hiện đồng thời nhiều thủ tục đăng ký đất đai, tài sản gắn liền với đất quy định tại khoản 12 Điều 22 Nghị định số 101/2024/NĐ-CP.

3. Quy định thời gian thực hiện các bước công việc cụ thể thực hiện thủ tục điều chỉnh quyết định giao đất, cho thuê đất, cho phép chuyển mục đích sử dụng đất quy định tại khoản 2 Điều 45 Nghị định số 102/2024/NĐ-CP.

4. Quy định thời hạn thực hiện thủ tục xác nhận tiếp tục sử dụng đất nông nghiệp của cá nhân khi hết thời hạn sử dụng đất quy định tại khoản 3 Điều 65 Nghị định số 102/2024/NĐ-CP.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

1. Cơ quan nhà nước thực hiện quyền hạn và trách nhiệm đại diện chủ sở hữu toàn dân về đất đai, thực hiện nhiệm vụ thống nhất quản lý nhà nước về đất đai.

2. Người sử dụng đất.

3. Các đối tượng khác có liên quan đến việc quản lý, sử dụng đất đai.

Điều 3. Quy định cơ quan tiếp nhận, trả kết quả giải quyết thủ tục hành chính quy định điểm a khoản 1 Điều 21 Nghị định số 101/2024/NĐ-CP và khoản 4 Điều 12 Nghị định số 102/2024/NĐ-CP

1. Đối với thủ tục đất đai thuộc thẩm quyền giải quyết của cấp tỉnh: cơ quan tiếp nhận, trả kết quả giải quyết là Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Kiên Giang.

2. Đối với thủ tục đất đai thuộc thẩm quyền giải quyết của cấp huyện: cơ quan tiếp nhận, trả kết quả giải quyết là Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả của UBND cấp huyện.

3. Đối với thủ tục đất đai thuộc thẩm quyền giải quyết của cấp xã: cơ quan tiếp nhận, trả kết quả giải quyết là Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả của UBND cấp xã.

Điều 4. Quy định thời gian thực hiện đồng thời nhiều thủ tục đăng ký đất đai, tài sản gắn liền với đất quy định tại khoản 12 Điều 22 Nghị định số 101/2024/NĐ-CP

1. Thời gian thực hiện đồng thời nhiều thủ tục đăng ký đất đai, tài sản gắn liền với đất không quá tổng thời gian thực hiện từng thủ tục quy định tại các khoản 1, 2, 3, 4, 5, 6, 7, 8 và 9 Điều 22 Nghị định số 101/2024/NĐ-CP.

2. Trường hợp chủ đầu tư dự án kinh doanh bất động sản có nhu cầu thực hiện nộp cùng lúc trên 50 hồ sơ đăng ký, cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất thì thời gian giải quyết thủ tục hành chính không quá 02 lần thời gian thực hiện thủ tục theo quy định tại các khoản 1, 2, 3, 4, 5, 6, 7, 8 và 9 Điều 22 Nghị định số 101/2024/NĐ-CP.

Điều 5. Quy định thời gian thực hiện các bước công việc cụ thể thực hiện thủ tục điều chỉnh quyết định giao đất, cho thuê đất, cho phép chuyển mục đích sử dụng đất quy định tại khoản 2 Điều 45 Nghị định số 102/2024/NĐ-CP

Thời gian thực hiện trình tự, thủ tục điều chỉnh quyết định giao đất, cho thuê đất, cho phép chuyển mục đích sử dụng đất đối với trường hợp quy định tại

điểm a khoản 1 Điều 45 của Nghị định số 102/2024/NĐ-CP là không quá 10 ngày **làm việc**. Đối với các xã miền núi, biên giới; đảo; vùng có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn; vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn thì thời gian thực hiện đối với thủ tục này được tăng thêm 10 ngày **làm việc**.

Điều 6. Quy định thời hạn thực hiện thủ tục xác nhận tiếp tục sử dụng đất nông nghiệp của cá nhân khi hết thời hạn sử dụng đất quy định tại khoản 3 Điều 65 Nghị định số 102/2024/NĐ-CP

Thời hạn thực hiện thủ tục xác nhận tiếp tục sử dụng đất nông nghiệp của cá nhân khi hết thời hạn sử dụng đất không quá 07 ngày làm việc.

Điều 7. Tổ chức thực hiện

1. Sở Tài nguyên và Môi trường có trách nhiệm tổ chức triển khai và phối hợp với các Sở, ban, ngành và địa phương liên quan theo dõi, kiểm tra việc thực hiện Quyết định này.

2. Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố và các Sở, ban, ngành có trách nhiệm tổ chức thực hiện Quyết định này theo đúng quy định.

3. Trong quá trình thực hiện, nếu có phát sinh vướng mắc các cơ quan, tổ chức, Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố phản ánh về Sở Tài nguyên và Môi trường để tổng hợp, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, sửa đổi, bổ sung cho phù hợp.

Điều 8. Trách nhiệm thi hành

Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Giám đốc (Thủ trưởng) các Sở, ban, ngành cấp tỉnh; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố và các tổ chức, hộ gia đình, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày tháng năm 2024./.

Nơi nhận:

- Như Điều 8 Quyết định;
- Văn phòng Chính phủ;
- Bộ Tài nguyên & Môi Trường;
- Vụ Pháp chế (Bộ TN&MT);
- Website Chính phủ;
- Cục Kiểm tra VBQPPL (Bộ Tư pháp);
- TT. Tỉnh ủy; TT. HĐND tỉnh;
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- UBMTTQ Việt Nam tỉnh;
- Văn phòng ĐDBQH&HĐND tỉnh;
- Các Sở, ban, ngành cấp tỉnh;
- Sở TN&MT (03 bản);
- UBND các huyện, thành phố;
- Báo Kiên Giang; Đài PTTH Kiên Giang;
- Công TTĐT tỉnh;
- Công báo tỉnh, Website Kiên Giang;
- LĐVP, P.KT, P.NC, P.TH;
- Lưu: VT, STN&MT, hdtan (01 bản).

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**

Lâm Minh Thành